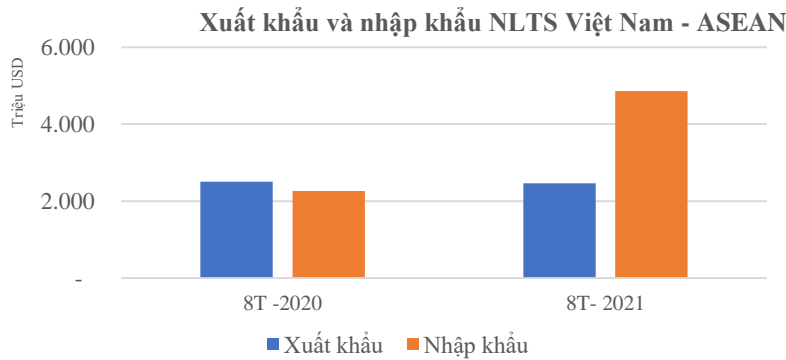


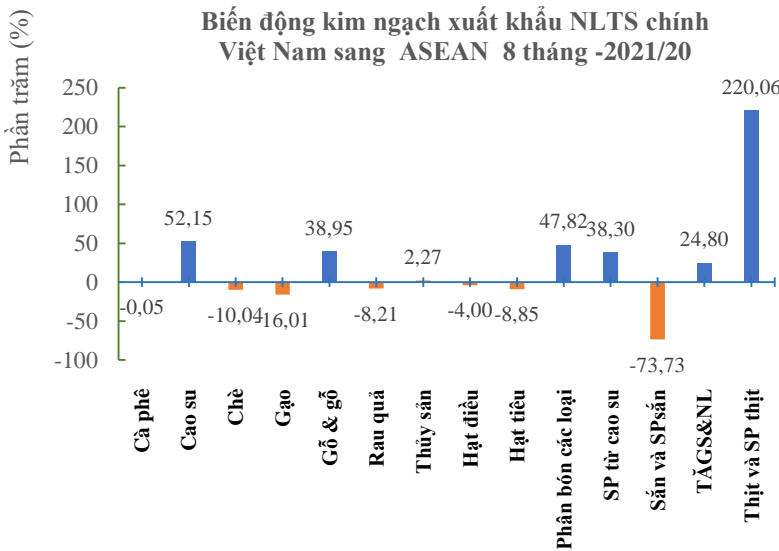
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường ASEAN



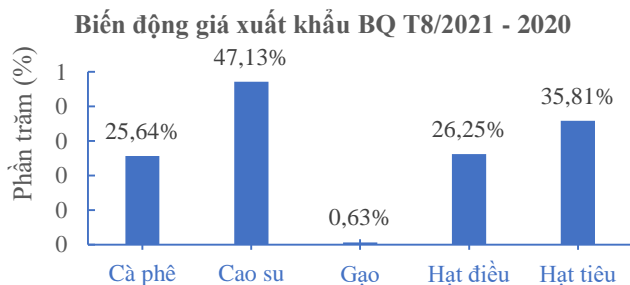
So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – ASEAN (8T/2021 – 8T/2020)

- Xuất khẩu ▼ 1,64%
- Nhập khẩu ▲ 114,73%



So sánh 8T-2021/2020

- Cà phê ▼ 0,05 %
- Cao su ▲ 52,15 %
- Chè ▼ 10,04 %
- Gạo ▼ 16,01 %
- Gỗ và SP Gỗ ▲ 39,95 %
- Rau quả ▼ 8,21 %
- Thủy sản ▲ 2,27 %
- Hạt điều ▼ 4,00 %
- Hạt tiêu ▼ 8,85 %
- Phân bón ▲ 47,82 %
- SP từ cao su ▲ 38,3 %
- Sản & SP sản ▼ 73,73 %
- TĂGS và NL ▲ 24,8 %
- Thịt và SP thịt ▲ 220,06 %



So sánh giá xuất khẩu BQ T8-2021/2020

- Cà phê ▲ 25,64%
- Cao su ▲ 47,13%
- Gạo ▲ 0,63 %
- Hạt điều ▲ 26,25 %
- Hạt tiêu ▲ 35,81 %

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) của Việt Nam sang thị trường ASEAN chiếm hơn 8% tổng xuất khẩu NLTS của Việt Nam. Tám tháng đầu năm 2021, xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang các nước ASEAN đạt 2.466 triệu USD giảm 1,64% so với cùng kỳ năm 2020, trong khi nhập khẩu đạt 4.395 triệu USD, tăng 114% so với cùng kỳ năm 2020. Tính riêng tháng 8/2021, kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 325 triệu USD, tăng 13,61% so với tháng trước và tăng 5,39% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN trong tháng 8/2021 là gạo (chiếm 48%), thủy sản (chiếm 13,26%), phân bón các loại (chiếm 6,25%), cà phê (chiếm 7,57%). So với tháng 7/2021, có 7/14 mặt hàng NLTS có kim ngạch xuất khẩu tăng, cao nhất là gạo (tăng 56%), cao su (tăng 26%), thịt và sản phẩm thịt (tăng 25%). trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch giảm là chè (giảm 33%), phân bón các loại (giảm 30%), sắn và sản phẩm từ sắn (giảm 29%). So với cùng kỳ năm 2020, 9/14 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, đặc biệt thịt và các sản phẩm từ thịt tăng cao nhất với 647%, hạt tiêu tăng 91%, cao su tăng 47%, chè tăng 27% trong khi chỉ có 5/14 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, nhiều nhất là sắn và sản phẩm từ sắn giảm 93%, rau quả giảm 25%, hạt điều giảm 22% (*Chi tiết tại phụ lục đính kèm*).

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ USDA dự báo Philippines, nước mua gạo lớn thứ hai thế giới, sẽ tăng nhập khẩu gạo thêm 10% lên 2,2 triệu tấn trong niên vụ 2021-2022, giữ nguyên dự báo sản lượng gạo xay cho Philippines trong niên vụ 2021-2022 ở mức 12,3 triệu tấn. Bộ Nông nghiệp Philippin cho biết tổng nguồn cung gạo trong năm nay có thể đạt 17,71 triệu tấn. Philippines tồn kho gạo đến cuối năm là 3.314 tấn do tổng nhu cầu được chốt ở mức 14.398 tấn. Chính phủ đang đặt mục tiêu mở rộng sản lượng gạo chưa xay xát của nước này thêm 5% lên mức kỷ lục 21 triệu tấn (MMT) vào năm tới nhờ khoản đầu tư 55 tỷ peso vào lĩnh vực gạo.

Hội đồng Hồ tiêu Malaysia (MPB) đang tập trung vào nỗ lực cải thiện chất lượng hạt tiêu ở cấp trang trại thông qua việc lựa chọn các giống được trồng để sản xuất tiêu trắng (LPK) và tiêu đen cao cấp như tiêu chất lượng xuất khẩu (LBE). Sáng kiến này được thực hiện thông qua Đề án Trồng tiêu trồng thành và Đề án trồng tiêu mới trong chương trình Phát triển ngành công nghiệp hồ tiêu. Hiện Malaysia đứng thứ 5 thế giới về sản xuất hồ tiêu, cạnh tranh với Việt Nam, Indonesia và Ấn Độ. Sản lượng tiêu của Việt Nam ở mức 240.000 tấn trong khi Indonesia (77.000 tấn) và Ấn Độ (60.000 tấn) cho năm 2020, trong khi Malaysia là 30.800 tấn.

Ngày 13/9/2021, Tổng cục Hải quan Trung Quốc và Bộ Nông lâm nghiệp Lào đã ký Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật xuất khẩu sang Trung Quốc đối với của chanh dây tươi của Lào. Tính đến nay, đã có tổng cộng 8 mặt hàng nông sản của Lào được xuất khẩu sang Trung Quốc là gạo, ngô, chuối, dưa hấu, sắn khô, khoai lang, đậu tươi và chanh dây.

Cục Giao thông Đường sắt Thái Lan mới đây đã công bố kế hoạch phát triển các khu vực ở Nong Khai để chuẩn bị cho kết nối đường sắt với Lào khi Thái Lan tăng cường thương mại với Trung Quốc dọc theo tuyến đường sắt nối ba nước. Tuyến đường sắt Lào-Trung Quốc dài 471 km đã gần hoàn thành, dự kiến chuyến tàu đầu tiên từ Trung Quốc tới Viên Chăn sẽ đến vào ngày 2/12. Một đoạn của tuyến đường này sẽ được kéo dài từ thủ đô của Lào đến biên giới với Thái Lan. Thái Lan hy vọng có thể kết nối với Lào và Trung Quốc vào năm 2028. Kết nối đường sắt tốt hơn giữa Thái Lan và Trung Quốc sẽ thúc đẩy thương mại và đầu tư, đặc biệt là trong Hành lang Kinh tế phía Đông (EEC) của Thái Lan, cho phép sản phẩm của Thái Lan đến miền Nam Trung Quốc trong vòng một ngày rưỡi, so với hai hoặc ba ngày khi vận chuyển bằng đường bộ và lên đến một tuần bằng đường biển.

Trung Quốc và Thái Lan đã ký thỏa thuận mở cửa thêm 7 cảng mới giao thương hàng hóa nông sản giữa hai nước, tăng số lượng cảng thương mại nông sản Trung - Thái lên 16 cảng, bao gồm 6 cảng ở Thái Lan và 10 cảng ở Trung Quốc. Việc khai trương tuyến đường sắt Trung Quốc - Lào vào cuối năm đã tạo điều kiện cho tỉnh Vân Nam có được 4 cảng thương mại nông sản Trung - Thái.

Vào ngày 9/9/2021, Quốc hội Campuchia đã phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do song phương (FTA) với Trung Quốc. Hiệp định FTA Campuchia-Trung Quốc (CCFTA) mở rộng trên nhiều lĩnh vực, bao gồm thương mại, du lịch, đầu tư, giao thông vận tải và nông nghiệp. Trung Quốc sẽ cung cấp quy chế miễn thuế cho khoảng 98% hàng hóa nhập khẩu từ Campuchia trong khi Campuchia đã đồng ý miễn thuế tới 90% hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc. Mặc dù phần lớn hàng hóa xuất khẩu của Campuchia sang Trung Quốc được miễn thuế thông qua Khu vực Thương mại Tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA), nhưng CCFTA mở rộng thương mại miễn thuế đối với hơn 340 sản phẩm, chẳng hạn như các sản phẩm thủy sản, tỏi, hạt điều và ớt khô. Thông qua CCFTA, Campuchia hy vọng sẽ tăng thương mại song phương với Trung Quốc lên 10 tỷ USD vào năm 2023, tăng từ 8 tỷ USD vào năm 2020.

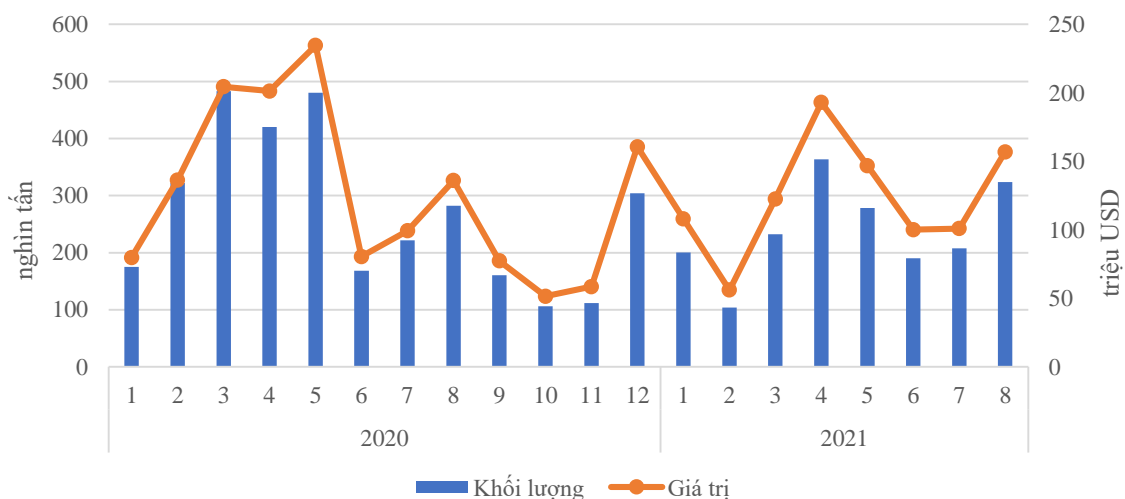
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 9/2021 của USDA, sản lượng gạo của ASEAN trong năm 2020/21 vẫn được dự báo là sẽ đạt khoảng 115,2 triệu tấn, tăng 2,3 triệu tấn so với năm 2019/20. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của ASEAN năm 2020/21 ước đạt 5,0 triệu tấn, giảm 75 nghìn tấn so với năm 2019/20.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2021, Việt Nam xuất khẩu được 324,0 nghìn tấn gạo, trị giá 157,0 triệu USD sang thị trường ASEAN, tăng 56,1% về khối lượng và 55,6% về giá trị so với tháng trước; và tăng 14,7% về khối lượng và 15,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 1900,2 nghìn tấn, trị giá 984,5 triệu USD, giảm 25,6% về khối lượng và 16,0% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

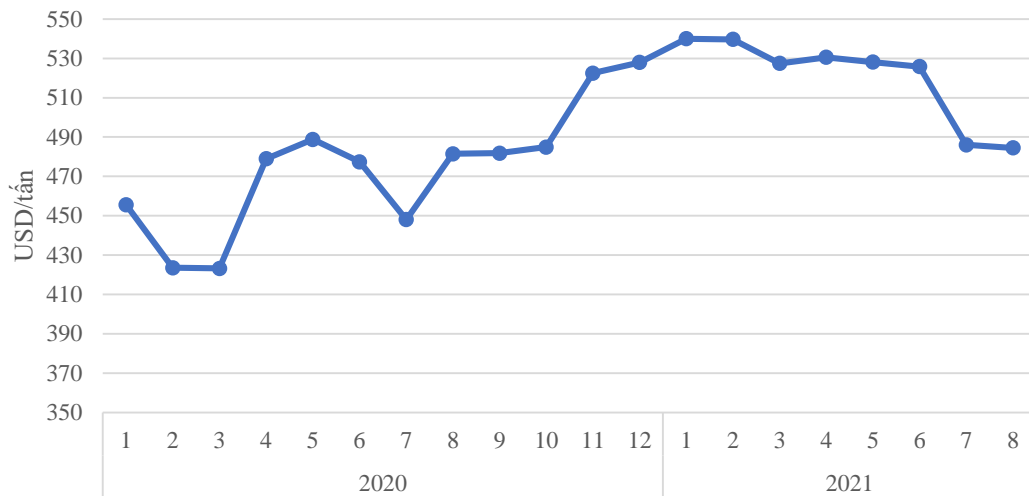
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường ASEAN tháng 8/2021 đạt 484,5 USD/tấn, giảm 0,3% so với tháng trước nhưng tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá gạo xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN

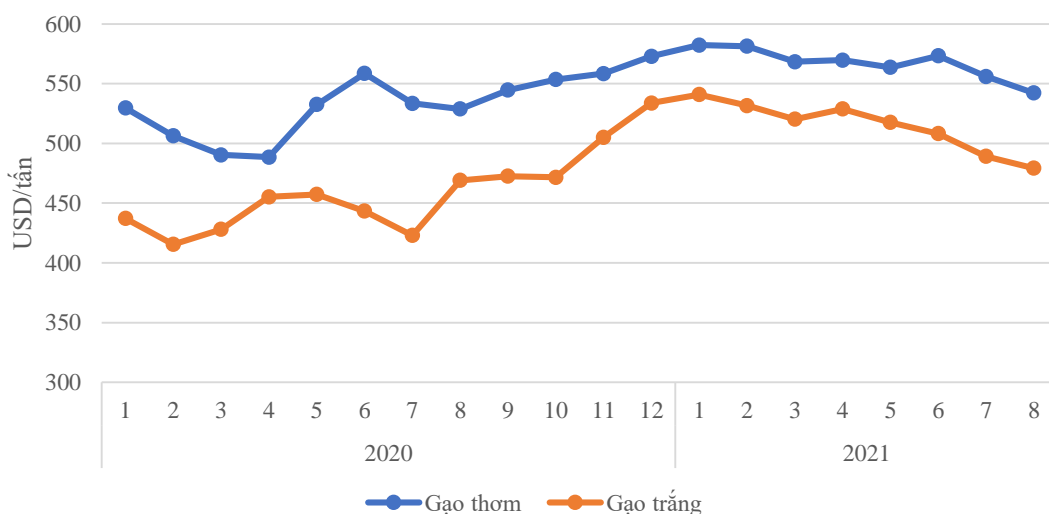


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN chiếm 62,6% về khối lượng và 61,4% về giá trị; so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo trắng sang ASEAN đã tăng 4,0% về khối lượng và 5,0% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo thơm chiếm 31,2% về khối lượng và 32,9% về giá trị; so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang ASEAN đã tăng 63,2% về khối lượng và 66,8% về giá trị.

Giá gạo trắng tháng 8/2021 đạt trung bình 479,2 USD/tấn, giảm 2,0% so với tháng trước nhưng tăng 2,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo thơm đạt 542,2 USD/tấn, giảm 2,5% so với tháng trước nhưng tăng 2,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá một số loại gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường ASEAN là Công ty CP Tập đoàn Intimex, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Tín và Công ty CP Xuất Nhập khẩu An Giang. Ba công ty này lần lượt chiếm 16,8%, 10,2%, và 8,1% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN trong tháng 8/2021. So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của Công ty CP Tập đoàn Intimex và Công ty CP Xuất Nhập khẩu An Giang đã tăng 61,6% và 3040,5%, trong khi Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Tín giảm 21,6%.

2. RAU QUẢ

Ngày 13/9/2021, Tổng cục Hải quan Trung Quốc và Bộ Nông lâm nghiệp Lào đã ký Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật xuất khẩu sang Trung Quốc đối với của chanh dây tươi của Lào. Tính đến nay, đã có tổng cộng 8 mặt hàng nông sản của Lào được xuất khẩu sang Trung Quốc là gạo, ngô, chuối, dưa hấu, sắn khô, khoai lang, đậu tươi và chanh dây.

Trung Quốc và Thái Lan đã ký thỏa thuận mở cửa thêm 7 cảng mới giao thương hàng hóa nông sản giữa hai nước, tăng số lượng cảng thương mại nông sản Trung - Thái lên 16 cảng, bao gồm 6 cảng ở Thái Lan và 10 cảng ở Trung Quốc. Việc khai trương tuyến đường sắt Trung Quốc - Lào vào cuối năm đã tạo điều kiện cho tỉnh Vân Nam có được 4 cảng thương mại nông sản Trung - Thái. Gần đây, do Trung Quốc siết chặt các biện pháp an toàn chống dịch, trái cây Thái Lan đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc thông quan xuất khẩu. Việc mở thêm các cảng giao thương nông sản có ý nghĩa rất lớn đối với việc xuất khẩu trái cây của Thái Lan sang Trung Quốc.

Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định 83/2021/NĐ-CP ngày 13/9/2021 về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2021-2022. Theo đó, phía Việt Nam sẽ áp dụng thuế suất 0% cho phía Campuchia gồm 31 mặt hàng, trong đó có quả thuộc chi cam quýt, tươi hoặc khô (mã HS.0805), cụ thể bao gồm: quả chanh vàng (mã HS:0805.50.10); quả chanh xanh (mã HS:0805.50.20) và loại khác (mã HS:0805.90.00).

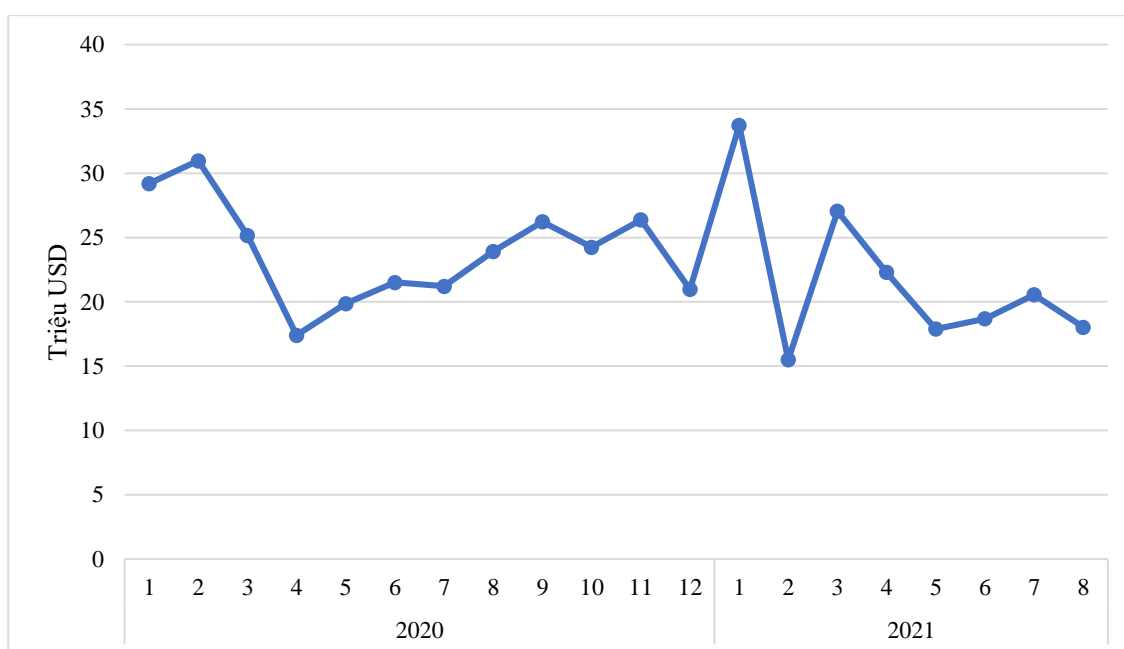
Campuchia đã xuất khẩu được hơn 200 tấn xoài tươi sang Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2021. Người trồng xoài đang nỗ lực xuất khẩu 500.000 tấn xoài theo hạn ngạch trong Nghị định thư ký vào tháng 6/2020.

Chính phủ Philippin phải trích ra ít nhất 4,088 tỷ pesos trong vòng 4 năm tới để thực hiện các biện pháp can thiệp nhằm tăng sản lượng chuối của địa phương và duy trì vị thế của Philippines là một trong những nước trồng chuối hàng đầu trên thế giới. Lộ

trình ngành chuỗi năm 2022 -2025, là một phần trong các lộ trình hàng hóa khác nhau đang được Bộ Nông nghiệp (DA) hoàn thiện, sửa đổi và cập nhật. Theo lộ trình dự thảo, chính phủ đặt mục tiêu duy trì sản lượng hàng năm là 55 tấn / ha đối với giống Cavendish và tăng năng suất mỗi ha lên 2% hàng năm đối với giống lakatan và saba, tăng diện tích sản xuất ít nhất 1% mỗi năm đối với Cavendish và lakatan và 0,5% mỗi năm đối với saba. Chính phủ sẽ tăng 3% thị phần chuối tươi và các sản phẩm giá trị gia tăng toàn cầu như chuối chiên và bột chuối.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 8 năm 2021 đạt 18,0 triệu USD, chiếm 7,9% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 12,3% so với tháng trước và giảm 24,6% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu đạt 173,7 triệu USD, chiếm 6,9% thị phần và giảm 8,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN



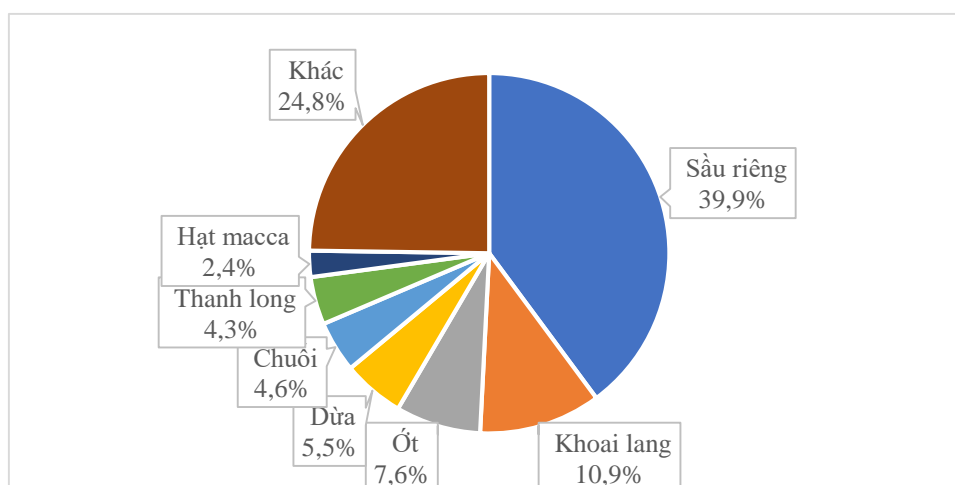
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang ASEAN tháng 8 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 15,4 triệu USD (chiếm 85,7% thị phần, giảm 29,0% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 2,6 triệu USD (chiếm 14,3% thị phần), tăng 19,2%, trong đó: (i) rau chế biến (không đông lạnh - Mã HS.2005) đạt 859,7 nghìn USD (tăng 319,0% so với cùng kỳ năm trước); (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (Mã HS: 2008) đạt 778,9 nghìn USD (giảm 16,0%); (iii) nước ép, nước cốt trái cây (Mã HS: 2009) đạt 558,3 nghìn USD (tăng 32,2%); v.v.

Trong tháng 8 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang ASEAN nhiều nhất bao gồm: sầu riêng đạt 7,2 triệu USD (chiếm 39,9% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 14,5% so với cùng kỳ năm 2020; khoai lang đạt gần 2,0 triệu USD (chiếm 10,9%),

giảm 16,5%; ớt đạt 1,4 triệu USD (chiếm 7,6%), giảm 28,5%; dứa đạt 998,4 nghìn USD (chiếm 5,5%), giảm 82,7%; chuối đạt 829,2 nghìn USD (chiếm 4,6%), tăng 9,6%; ...

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang ASEAN T8/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường ASEAN tháng 8 năm 2021 đạt 14,2 triệu USD, chiếm 12,1% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 11,2% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu đạt 163,3 triệu USD, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 8/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là đậu xanh đạt 8,3 triệu USD (chiếm 58,8%), tăng 54,4% so với cùng kỳ năm 2020; chuối đạt 1,7 triệu USD (chiếm 11,8%), tăng 176,1%; dứa đạt 0,9 triệu USD (chiếm 6,5%), giảm 69,2%, v.v.

Trong tháng 8/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường ASEAN là Công ty TNHH Việt Á Agrifood, Công ty TNHH Xuất khẩu Vạn Phát Đạt và Công ty TNHH Daxingfa với thị phần xuất khẩu lần lượt là: 12,9%; 8,9% và 7,9%. So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty TNHH Việt Á Agrifood tăng 20%, Công ty TNHH Xuất khẩu Vạn Phát Đạt tăng 396,4%. Trong khi Công ty TNHH Daxingfa không xuất khẩu trong tháng 8/2020, nhưng đã đẩy mạnh được xuất khẩu trong tháng 8/2021.

3. CÀ PHÊ

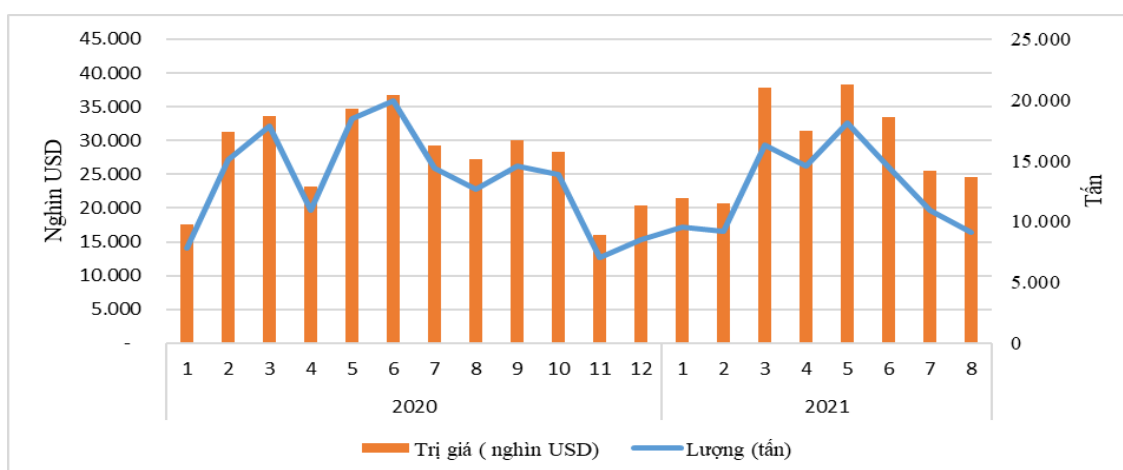
Dữ liệu thương mại của chính phủ Indonesia từ Sumatra, hòn đảo sản xuất cà phê hàng đầu của Indonesia, cho thấy xuất khẩu cà phê robusta của quần đảo này trong tháng 9 giảm 276.181 bao, tương đương 69,74% so với cùng kỳ năm ngoái, với tổng số là 119.789 bao. Xuất khẩu cà phê robusta lũy kế của quần đảo cho niên vụ cà phê từ tháng

10 năm 2020 đến tháng 9 năm 2021 thấp hơn 1.452.090 bao, tương đương 42,34% so với cùng kỳ năm trước, đạt tổng số 1.977.538 bao. Vụ mùa hiện tại của Indonesia từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022 ước tính đạt tổng cộng 11,35 triệu bao, giảm 2,16% so với năm trước. Xuất khẩu thấp hơn trong tháng 9 một phần do thiếu container. Nước này cũng đang có kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu vào EU, đặc biệt là thị trường Bỉ.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN chiếm khoảng 10% tổng lượng cà phê xuất khẩu. Xuất khẩu tháng 8/2021 đạt 9.101 tấn, trị giá 24,66 triệu USD, giảm 16,51% về lượng và giảm 3,51% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 8/2020, xuất khẩu cà phê giảm 27,9% về khối lượng và giảm 9,42% về giá trị.

Lũy kế xuất khẩu cà phê 8 tháng đầu năm 2021 đạt 102.286 tấn, trị giá 233,4 triệu USD, tăng 14,45% về lượng và tăng 0,05% về giá trị so với cùng kỳ.

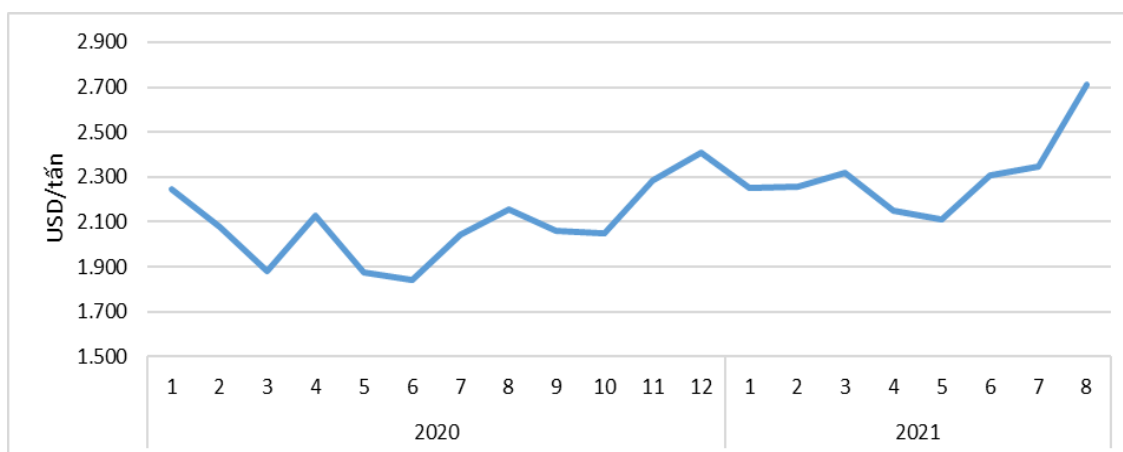
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân cà phê Việt Nam sang ASEAN tháng 8/2021 đạt 2.709 USD/tấn, tăng 15,57 % so với tháng trước và tăng 25,64% so với cùng kỳ năm 2020.

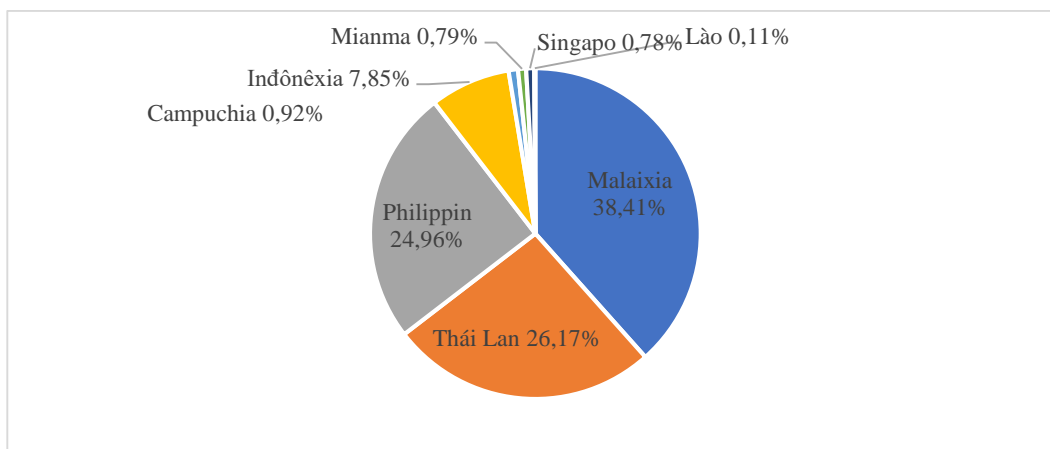
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Việt Nam xuất khẩu cà phê sang tất cả các nước trong khối ASEAN. Các thị trường nhập khẩu cà phê chính tại ASEAN trong tháng 8/2021, gồm Malaysia 38,41%, Thái Lan 26,17%, Philippin 24,96%.

Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang các quốc gia thị trường ASEAN

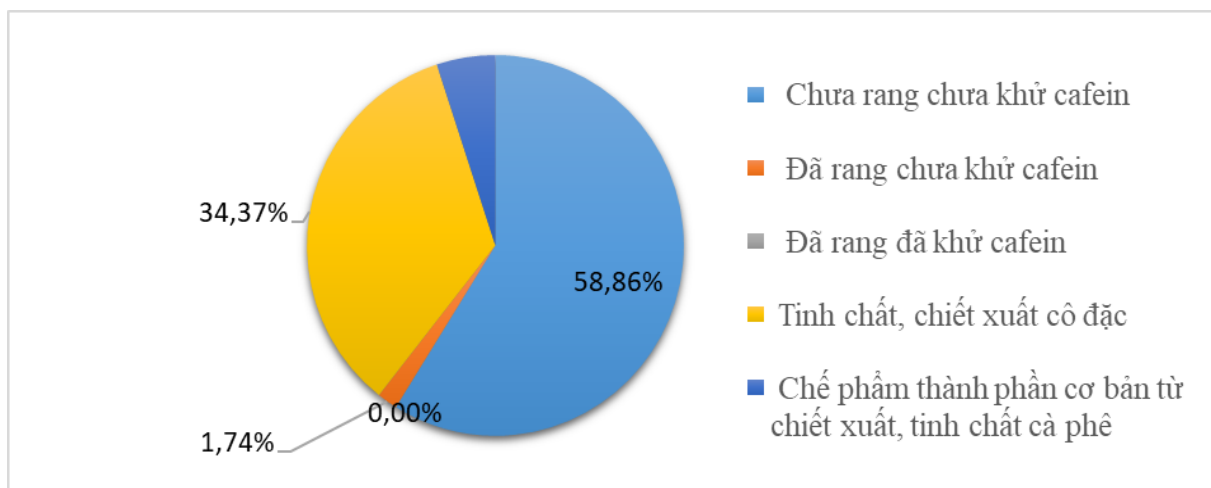


Nguồn: Tổng cục Hải Quan

So với tháng trước, kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam tăng tại thị trường lớn là Philipin (tăng 102%), thị trường Myanmar và Campuchia tăng lần lượt là 83,65% và 8,41%. Còn lại các thị trường khác đều giảm, giảm nhiều nhất là Indonesia (giảm 88%), Singapo giảm 34%.

Về cơ cấu sản phẩm, sản phẩm cà phê nhân chiếm 60,6%, cà phê chế biến chiếm 34,4%, cùng kỳ năm 2020, tỷ lệ trên lần lượt là 48,74% và 51,26%, cụ thể như sau: Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt trị giá 14,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 58,86%, tăng 11,5% so cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt trị giá 8,4 triệu USD, chiếm 34,4%, giảm 35% so cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 1,2 triệu USD, chiếm 5,03%, tăng 36,11% so với cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 429 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 1,74%, tăng 70,66% so với cùng kỳ.

Hình 9: Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang ASEAN



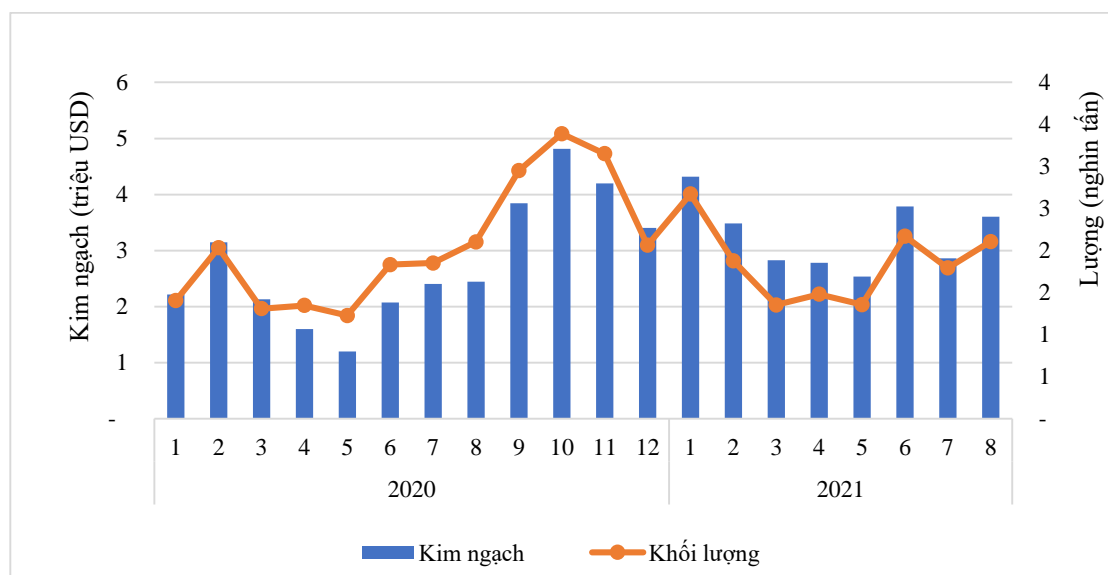
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường ASEAN là: Công ty cổ phần Tập đoàn Intimex tại Buôn Ma Thuột, TNHH URC Việt Nam, Công ty TNHH Thương mại và chế biến Louis DreyFus Việt Nam với thị phần lần lượt là: 15,32%; 12,16% và 8,65%.

4. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 8/2021, xuất khẩu cao su sang các quốc gia ASEAN ước đạt 2,1 nghìn tấn với trị giá 3,6 triệu USD, tăng 17,5% về khối lượng và 26,0% về giá trị so với tháng trước, và tăng 0,2% về khối lượng và 47,4% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

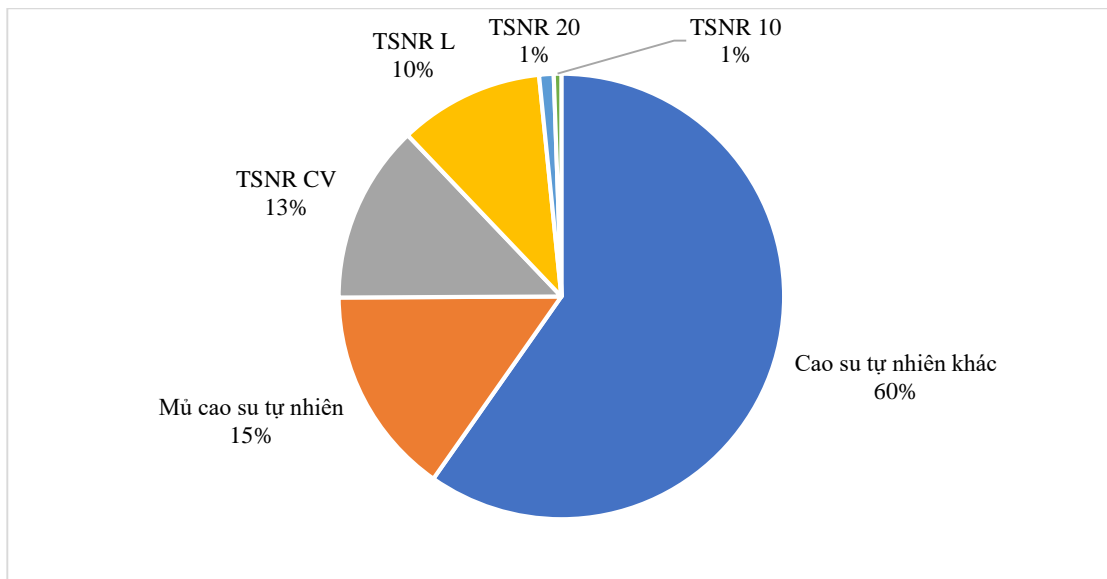
Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang các quốc gia ASEAN đạt 462,3 nghìn USD, chiếm 15,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 394,6 nghìn USD, chiếm 13,0% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR L và TSNR 20, chiếm lần lượt 10,5% và 1,1% tổng giá trị xuất khẩu sang ASEAN.

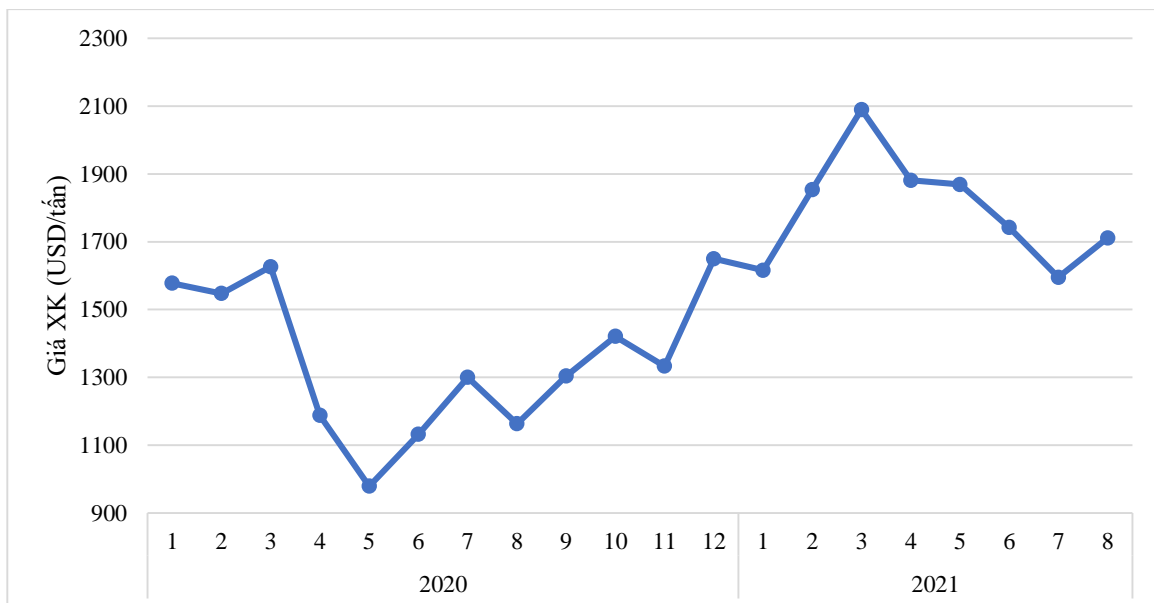
Hình 11: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường ASEAN theo kim ngạch tháng 8/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang các quốc gia ASEAN xu hướng giảm và đạt mức 1.711 USD/tấn trong tháng 8/2021, tăng 7,3% so với tháng trước và 47,1% so với cùng kỳ 2020.

Hình 12: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN

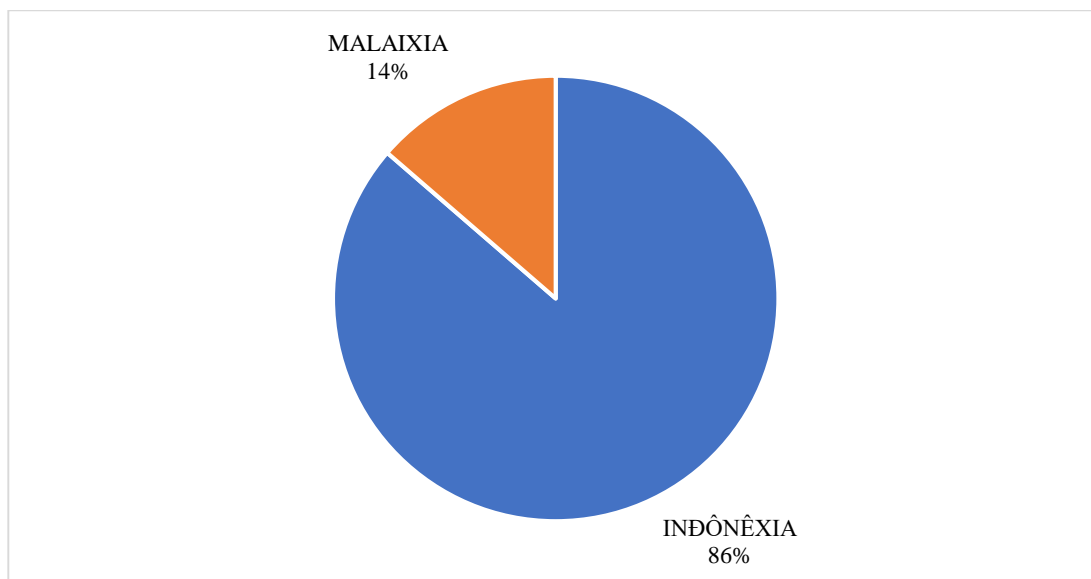


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khối ASEAN, tháng 8/2021, Indonesia là quốc gia nhập khẩu cao su tự nhiên lớn nhất của Việt Nam với 3,1 triệu USD, chiếm 86,3% tổng kim ngạch xuất khẩu

cao su của Việt Nam sang các quốc gia ASEAN. Malaysia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 492,1 nghìn USD, chiếm 13,7%.

Hình 13: Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, Top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường ASEAN là Công ty TNHH Polymetric Products V.&H., Công ty CP Công nghiệp Cao su Hiệp Thành và Công ty CP Đầu tư Cao su Việt Nam. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 9,9%, 9,4% và 7,5% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN.

5. ĐIỀU

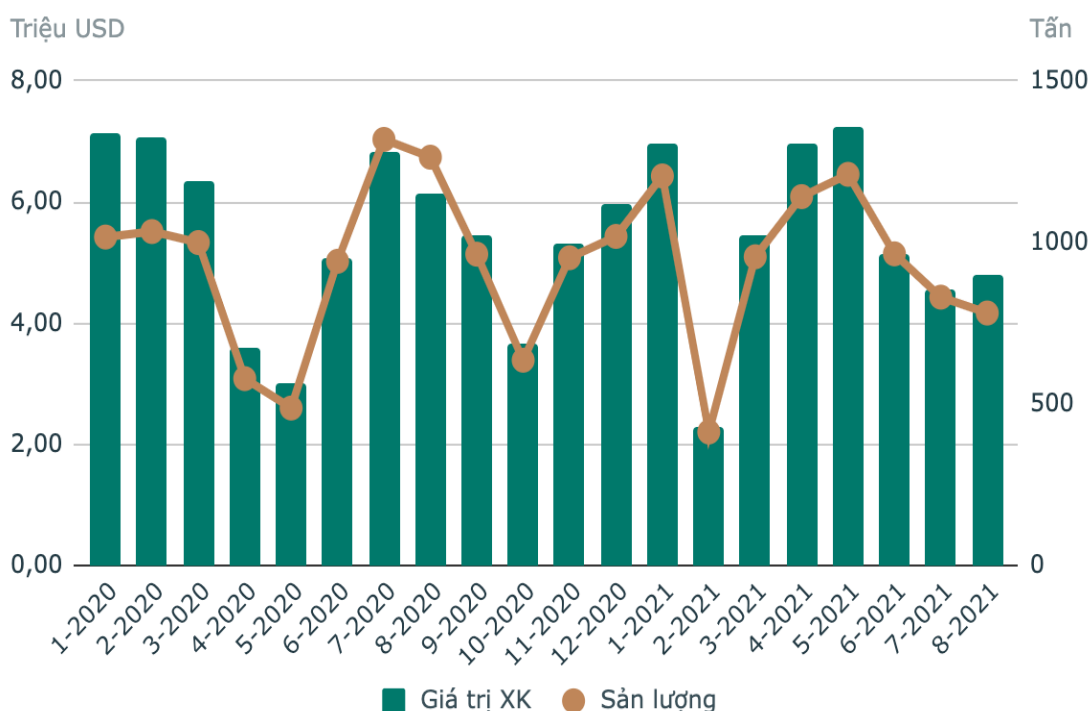
Theo Bộ Nông nghiệp Căm-pu-chia, trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu hạt điều của nước này đạt 876.531 tấn, tăng 350% so với 8 tháng đầu năm 2020. Trong đó, 99% tổng lượng hạt điều của Căm-pu-chia xuất khẩu sang Việt Nam, đạt gần 870 nghìn tấn; khoảng hơn 3 nghìn tấn xuất khẩu sang Trung Quốc và Thái Lan.

Năm 2021, sản lượng hạt điều của Căm-pu-chia tăng do diện tích canh tác tăng và nguồn hàng dự trữ từ năm 2020. Hiệp hội Điều Việt Nam đã thu gom hạt điều từ Hiệp hội Điều Căm-pu-chia để chế biến và cung cấp ra thị trường quốc tế. Do nhu cầu cao nên hạt điều ở Căm-pu-chia đã có giá nhỉnh hơn trong năm nay với mức 4.000 riel/kg (khoảng 1 USD/kg), so với giá 3.500 riel/kg năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2021, Việt Nam xuất khẩu được 0,78 nghìn tấn điều, trị giá 4,8 triệu USD sang thị trường ASEAN, giảm 388,1% về khối lượng và 21,9% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Tính hết 8 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu

điều sang thị trường này đạt 43,41 triệu USD, tương ứng với 7,5 nghìn tấn, giảm 4 % về giá trị và tăng 1,78% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

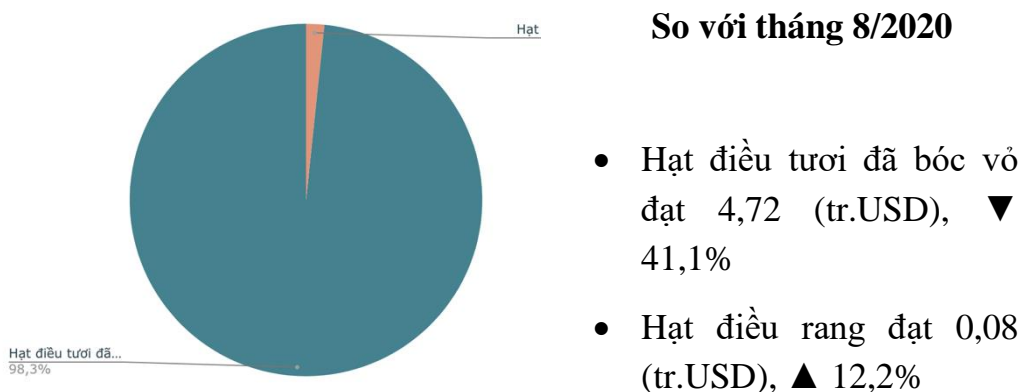
Hình 14. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 8/2021, xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 98,33%, tổng giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này, hạt điều rang chỉ chiếm 1,67%.

Hình 15. Cơ cấu xuất khẩu hạt điều xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 8/2021

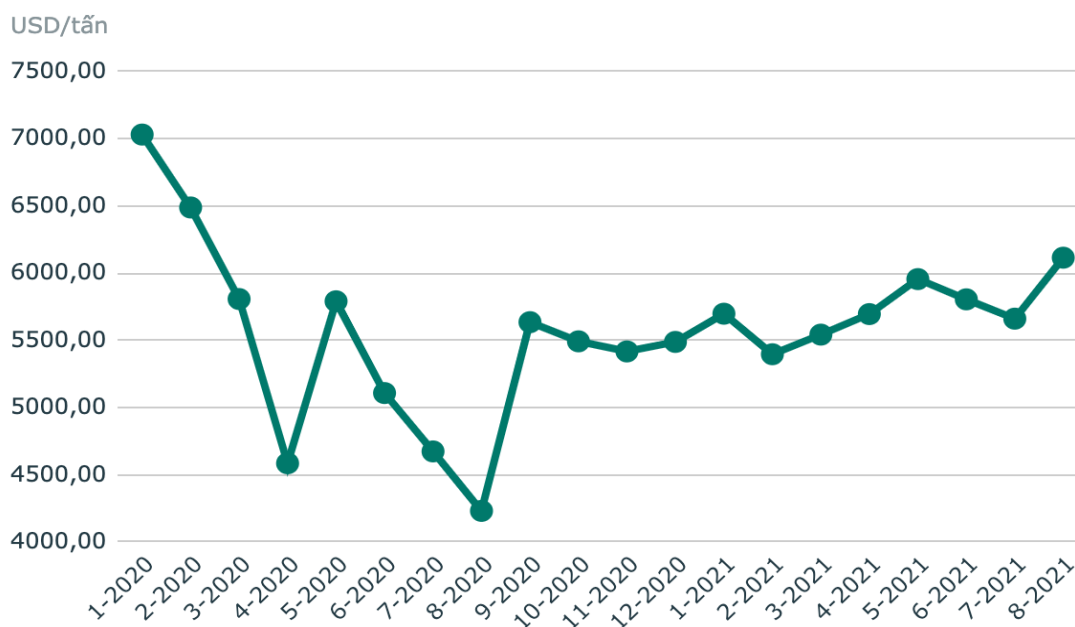


Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường ASEAN có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước. Cụ thể, giá xuất khẩu trung bình trong tháng 8 đạt 6,11 nghìn

USD/tấn, tăng 8% so với tháng 7/2021, và 44,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 5,89 USD/kg, tăng 10,2% so với tháng trước và 8,6% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 16: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN



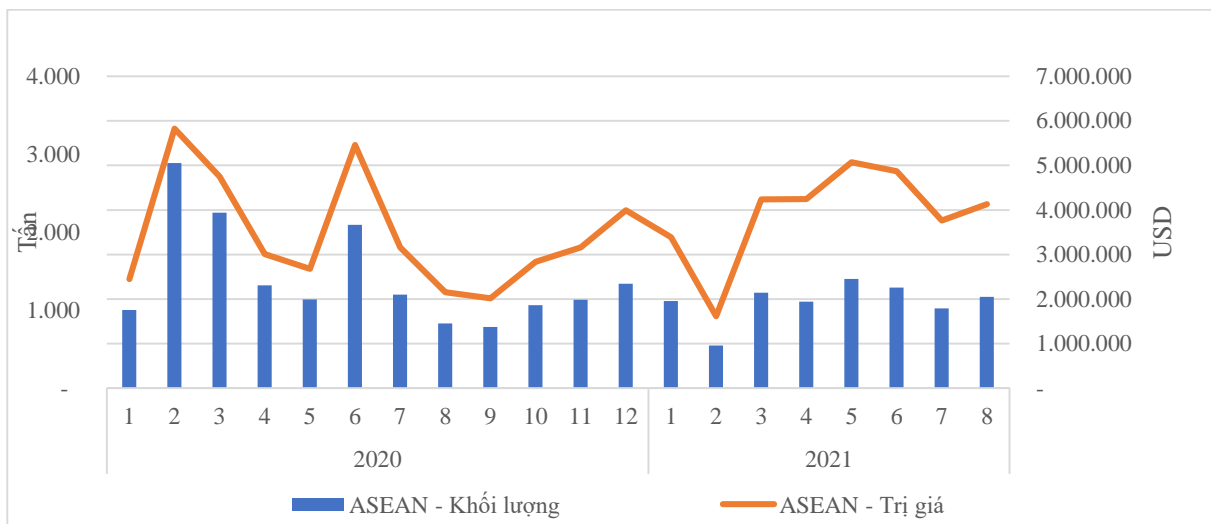
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 8/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: Công ty TNHH HERITAGE Việt Nam chiếm 17,36% tổng giá trị điều xuất khẩu sang thị trường này; Công ty TNHH Quỳnh Anh Khoa chiếm 8,05% và Công ty TNHH nông sản Hải Kim Long chiếm 6,66%.

6. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan tháng 8/2021, ASEAN là thị trường duy nhất ghi nhận sự hồi phục về kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam. Trong tháng 8/2021, 1.173 tấn hồ tiêu với trị giá 4,13 triệu USD đã được xuất khẩu sang thị trường này, tăng 14,55% về khối lượng và 9,83% về giá trị so với tháng 7/2021, tăng 41,33% về khối lượng và tăng 91,94% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

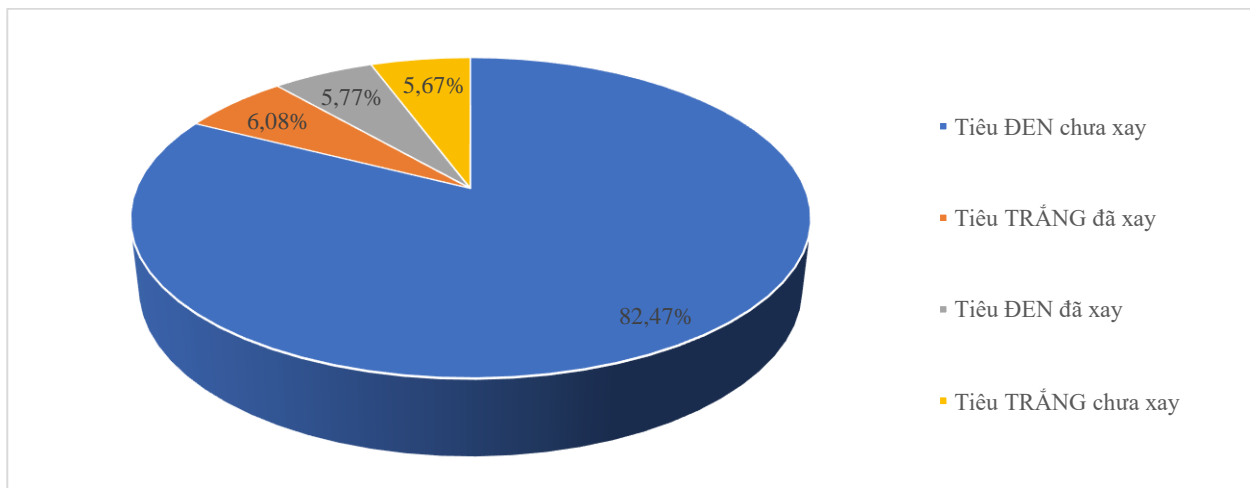
Hình 17: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2021, tiêu đen chưa xay vẫn tiếp tục là loại sản phẩm chính của Việt Nam sang ASEAN, chiếm 82,47% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 19,67% so với tháng trước và tăng 13,62% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng đã xay, chiếm 6,08%, giảm 2,45% so với tháng trước và giảm 10,79% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 18: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường ASEAN tháng 8/2021

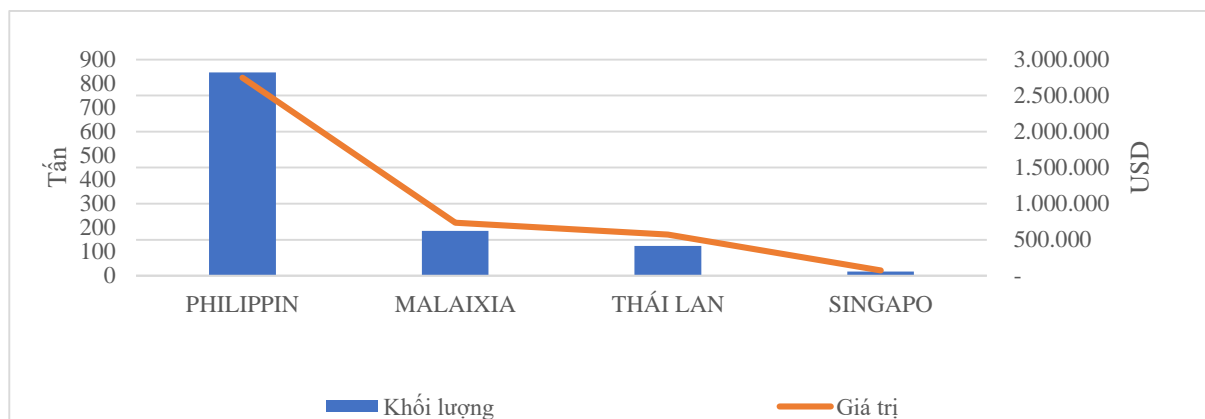


Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Quốc gia dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong khối ASEAN trong tháng 8/2021 vẫn là Philippin với 846 tấn (chiếm 72,12%), đạt 2,75 triệu USD (chiếm 66,48%), đứng thứ 2 là Malaixia với 186 tấn (chiếm 15,86%), đạt 737,5 nghìn USD (chiếm 17,86%). Thấp nhất là Singapore với 17 tấn (chiếm 1,45%), 74 nghìn USD (chiếm 1,8%). Trong số các quốc gia thành viên thuộc khối ASEAN nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong tháng 8/2021, chỉ có Philippin và Malayxia có mức tăng trưởng

manh mẽ so với tháng trước đó, tăng lần lượt là 38,92% và 51,22% về khối lượng xuất khẩu và 97,75% và 55,98% về kim ngạch xuất khẩu.

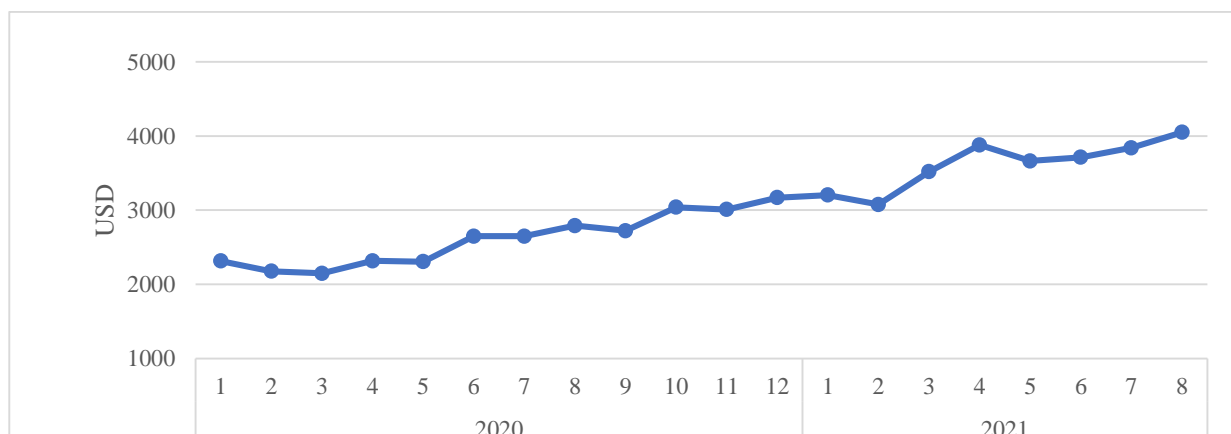
Hình 19 : Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam sang ASEAN tháng 8/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá hồ tiêu xuất khẩu vào ASEAN trong tháng 8/2021 vẫn tăng, lên mức 4.050 usd/tấn, gần tương đương với giá xuất khẩu trung bình vào thị trường Hoa Kỳ, tăng 5,5% so với tháng trước đó và tăng 45,1% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 20: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

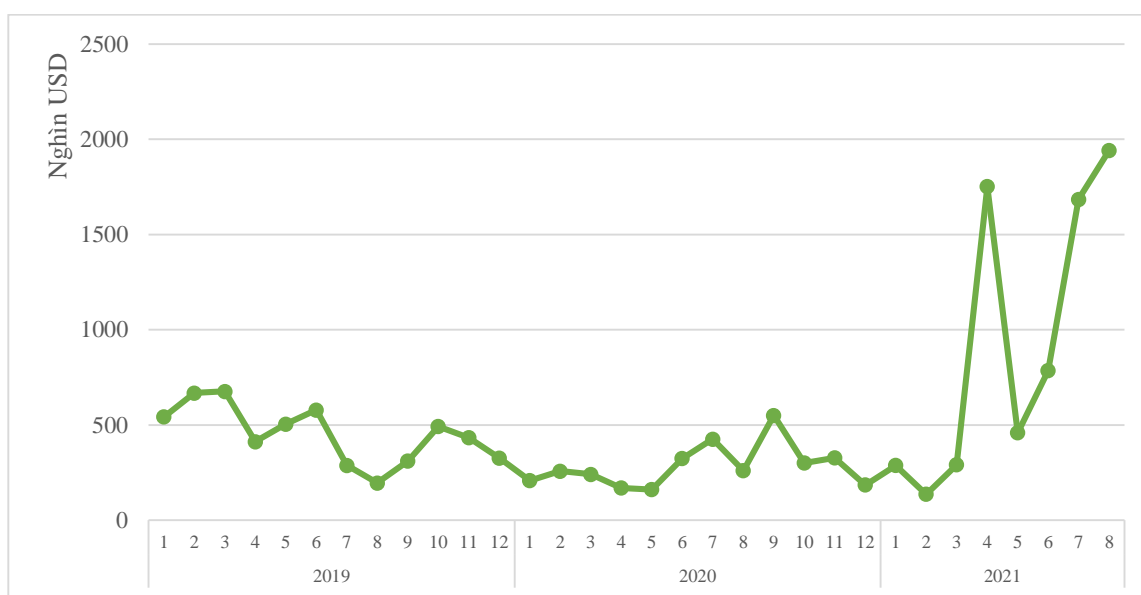
Trong tháng 8/2021, Top 3 doanh nghiệp xuất khẩu có kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất vào ASEAN vẫn là Công ty CP Sinh Lộc Phát với 38,32%, tăng 71,1% so với tháng trước đó và tăng 226,6% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 và 3 là 2 công ty trước đây chưa ghi nhận nằm trong Top 3 này, đó là Công ty CP XNK AC Việt Nam và Công ty TNHH Harris Freeman Việt Nam, chiếm lần lượt là 10,24\$ và 9,43%.

7. THỊT VÀ SẢN PHẨM THỊT

Trong tháng 8/2021, tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam sang các nước khu vực ASEAN đạt 1,94 USD, tăng 15,3% so với tháng trước, và tăng 258% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 8/2021, Lào là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong khu vực của Việt Nam đạt 1,16 triệu USD, chiếm 59,3%. Sản phẩm xuất khẩu sang thị trường Lào trong tháng là trâu bò sống, lợn sống, gia cầm sống, và thịt chế biến. Thị trường lớn thứ 2 là Thái Lan đạt 428,7 nghìn USD, chiếm 22%, sản phẩm xuất khẩu chính là thịt, phụ phẩm gia cầm và một số sản phẩm thịt chế biến. Thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 trong khu vực là Campuchia, với giá trị xuất khẩu đạt 339,8 nghìn USD, chiếm 17,5%.

Về cơ cấu sản phẩm xuất khẩu chính trong tháng 8 gồm trâu bò sống, chiếm 47,7% (Lào), thịt và phụ phẩm gia cầm giết mổ chiếm 22% (Thái Lan), lợn sống chiếm 19,5% (Lào, Campuchia), còn lại là các loại thịt chế biến chiếm 5,81% (Thái Lan, Campuchia, Lào), và các sản phẩm chăn nuôi khác khác (gia cầm, thịt đông lạnh, v.v.).

Hình 21: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường ASEAN

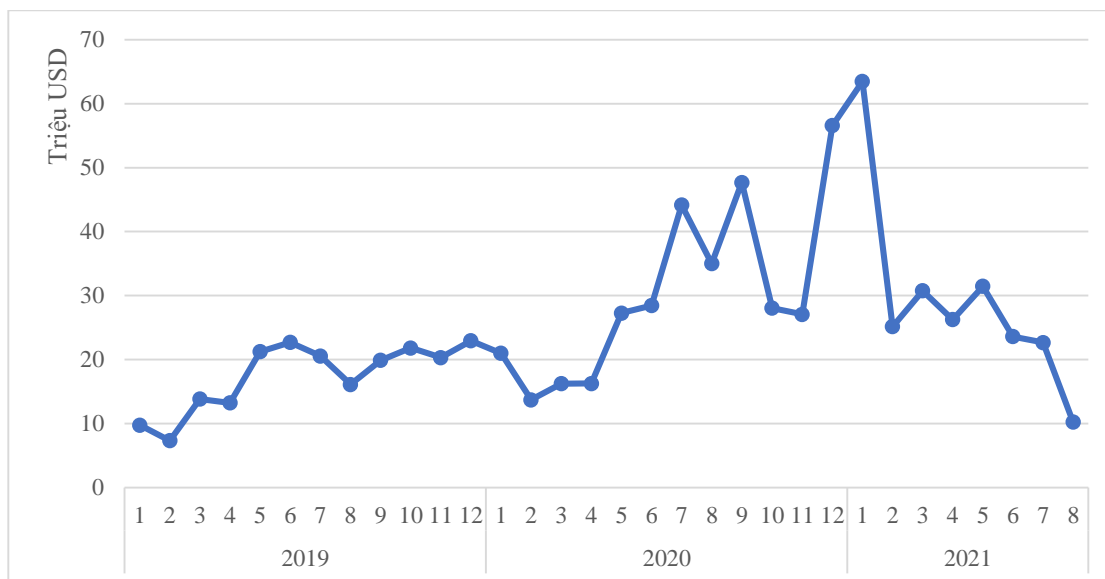


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về tình hình nhập khẩu, trong tháng 8/2021, Việt Nam nhập khẩu 10,2 triệu USD sản phẩm chăn nuôi của từ các nước ASEAN, giảm 54,9% so với tháng trước. Tổng giá trị nhập khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam từ thị trường ASEAN trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 223,5 triệu USD, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 202 triệu USD). Sản phẩm nhập khẩu nhiều nhất trong tháng 8/2021 là trâu bò sống (trị giá 9,3 triệu USD, chiếm 91,1%) từ Thái Lan và gia cầm sống (trị giá 763,8 USD, chiếm 7,5%) từ Lào và

Malaysia. Còn lại là các sản phẩm chế biến (khô gà, ruốc gà, lạp xưởng gà, v.v.) và 1 số động vật sống khác.

Hình 22: Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam ASEAN



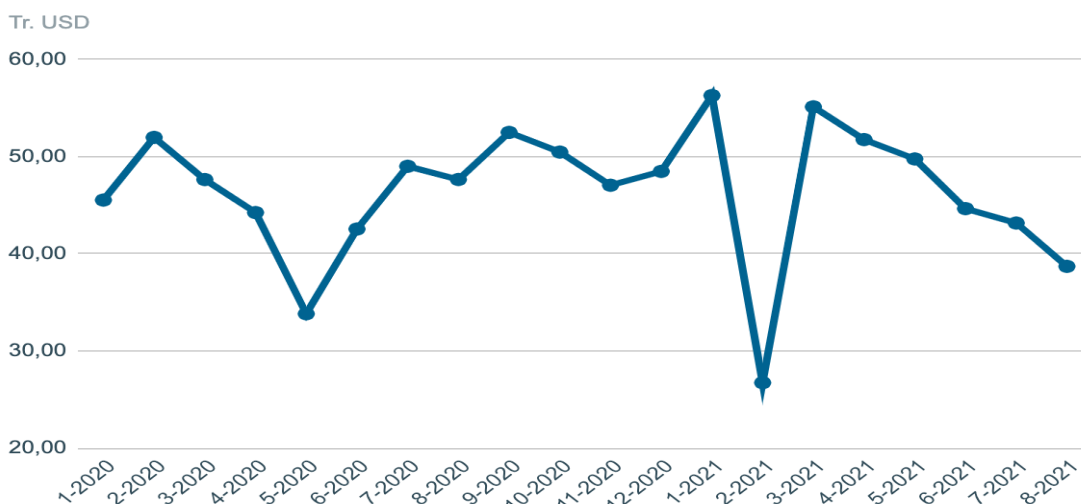
Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. THỦY SẢN

Thái Lan tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid gây ra. Nước này đang lên kế hoạch mở cửa một số địa điểm du lịch vào tháng 10/2021 và Chính phủ nước này có thể kết thúc tình trạng khẩn cấp vào cuối tháng 9/2021 do một vài dấu hiệu cho thấy số ca nhiễm Covid có chiều hướng giảm. Giá tôm trong tuần từ 30/8 - 5/9/2021 tại nước này tăng 2% so với tuần trước đó. Theo đó, giá tôm cỡ 60 con/kg tại Thái Lan tăng lên 3,93 USD/kg; giá tôm cỡ 70 con/kg tăng lên 3,78 USD/kg và giá tôm cỡ 80 con/kg tăng lên 3,47 USD/kg.

Theo Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN 8 tháng đầu năm đạt 336,21 triệu, tăng 1,04% so với cùng kỳ năm 2020. Tính riêng tháng 8/2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 38,71 triệu USD, giảm 18,8% so với cùng kỳ năm trước, và 10,3% so với tháng 7/2021.

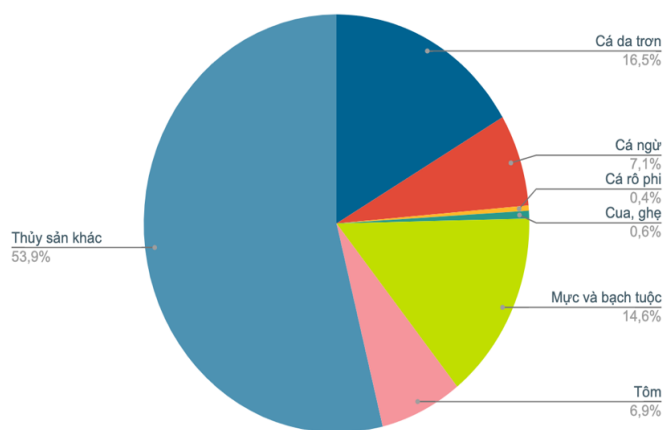
Hình 23. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cá da trơn là mặt hàng thủy sản tiêu thụ chính tại thị trường này trong tháng 8/2021, chiếm 16,5% giá trị xuất khẩu; mực và bạch tuộc chiếm 14,6%.

Hình 24. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang ASEAN tháng 8/2021



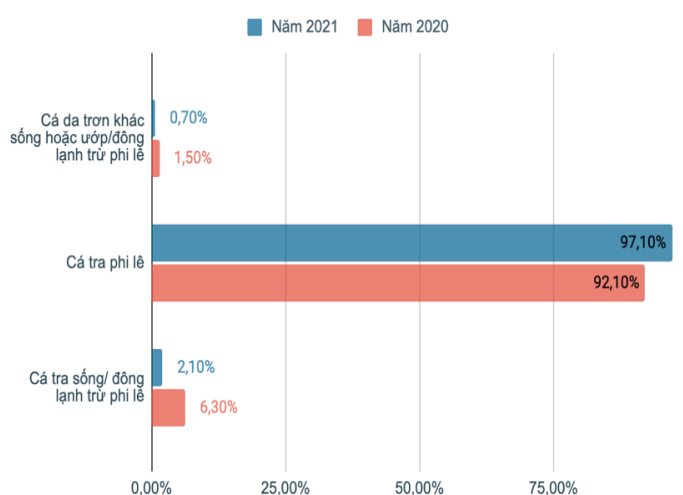
Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

So với tháng 8/2020

- Cá ngừ đạt 2,76 (tr.USD), ▲ 23,6%
- Cá da trơn đạt 6,39 (tr.USD), ▼ 37%
- Mực và bạch tuộc đạt 5,67 (tr.USD), ▼ 27,1%
- Tôm đạt 2,69 (tr.USD), ▼ 18,5%
- Thủy sản khác đạt 20,81 (tr.USD), ▼ 18,8%

Cá da trơn là mặt hàng thủy sản xuất khẩu lớn nhất vào thị trường này, giá trị xuất khẩu tháng 8/2021 đạt 6,39 triệu USD, giảm 37% so với cùng kỳ năm 2020 và 1,1% so với tháng trước.

Hình 25. Cơ cấu sản phẩm cá da trơn xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 8 năm 2020/2021



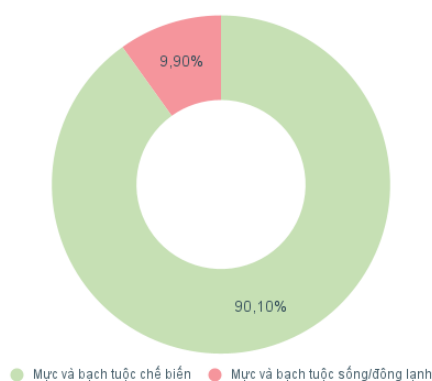
So với tháng 8/2020

- Cá tra phi-lê đạt 6,2(tr.USD), ▼33,6%
- Cá tra sống/đông lạnh trừ phi-lê đạt 0,14 (tr.USD), ▼78,8%
- Cá da trơn khác đạt 0,05 (tr.USD), ▼69,6%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Mực và bạch tuộc là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn thứ 2 vào thị trường này trong tháng 8/2021 đạt 5,67 triệu USD, chiếm 14,6% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu vào thị trường này, giảm 27% so với cùng kỳ năm 2020 và 11,6% so với tháng trước.

Hình 26. Cơ cấu xuất khẩu sản phẩm Mực và bạch tuộc sang thị trường ASEAN tháng 8/2021



So với tháng 8/2020

- Mực và bạch tuộc chế biến đạt 5,11 (tr.USD), ▼12,8%
- Mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 0,56 (tr.USD), ▼8,9%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu cá da trơn bình quân tháng 8 sang thị trường này đạt 1,73 USD/kg, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2020; cá rô phi đạt 1,99USD/kg, giảm 9,1%; tôm đạt 4,95 USD/kg, giảm 1,7%.

Bảng 1. Giá xuất khẩu một số sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 8/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD/kg)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	1,73	3,60%	5,30%
2	Cá rô phi	1,99	-9,10%	5,40%
3	Cua, ghe	6,16	11,00%	11,20%
4	Mực và bạch tuộc	7,43	6,10%	-8,60%
5	Tôm	4,95	-1,70%	-15,20%

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Tháng 8 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường ASEAN là Công ty TNHH xuất nhập khẩu Dalu Surimi chiếm 9,9% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty cổ phần chế biến và dịch vụ thủy sản Cà Mau chiếm 5,8%; Công ty CP Việt Nam chiếm 4,9%.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Theo báo cáo mới nhất của ICO, niên vụ 2020/2021 sản lượng khu vực Châu Á Thái Bình Dương dự kiến đạt 48,93 triệu bao, giảm 1,1%, tiêu thụ đạt 36,24 triệu bao, tăng 1,3% so với niên vụ trước. Trang Statista dự báo Malaysia sẽ nhập khẩu khoảng 1,7 triệu bao cà phê vào năm 2022. Tuy nhiên, sự lây lan của dịch covid 19 trong khu vực kéo theo những tác động tiêu cực cho phát triển kinh tế. Theo bản cập nhật trong Triển vọng Phát triển Châu Á của ADB, tổng sản phẩm quốc nội của các nước Đông Nam Á dự kiến sẽ tăng 3,1% trong năm nay trước khi tăng 5% vào năm sau, triển vọng mới năm 2021 thấp hơn mức dự báo 4% vào tháng 7. Xuất khẩu sang ASEAN mặc dù không gặp nhiều khó khăn do vận chuyển như tuyến Châu Á và Hoa Kỳ, nhưng dịch bệnh tại khu vực đã khiến lưu thông hàng hóa cũng như nhu cầu tiêu dùng giảm sút.

2. Cao su

Giá cao su tại châu Á giảm mạnh do những ảnh hưởng của dịch Covid-19, tình hình vận chuyển chưa có dấu hiệu được cải thiện, tình trạng thiếu container rỗng sẽ tiếp tục diễn ra. Đồng thời, giá cước vận chuyển cao được dự báo kéo dài sang tận năm 2022, ảnh hưởng đến xuất nhập khẩu cao su của các nước.

Hiệp hội Các nhà sản xuất găng tay cao su Malaysia dự đoán, tình trạng thiếu găng tay cao su trên toàn cầu sẽ còn kéo dài tới quý I/2022. Trong khi đó, nhu cầu cao su tự nhiên cho sản xuất găng tay cao su được dự báo tiếp tục tăng tại quốc gia này. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp sản xuất găng tay y tế lớn trên thế giới cũng lên tiếng cảnh báo về tình trạng khan hiếm sản phẩm có thể xảy ra khi nhu cầu tại châu Âu tăng đột biến.

3. Tiêu

Trái ngược với tình trạng sụt giảm chung về khối lượng và kim ngạch xuất khẩu chung tại nhiều thị trường nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam, số liệu xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam vào ASEAN vẫn rất tích cực. Tuy nhiên, với diễn biến khó lường của đại dịch Covid-19 tại Việt Nam, đặc biệt là tại Thành phố Hồ Chí Minh nơi có nhiều sân bay và cảng biển xuất khẩu chính của mặt hàng này cùng với tình trạng thiếu tải đường biển và đường không tại Việt Nam đi đôi với giá cước tăng rất cao, dự báo trong 1-2 tháng tới, khối lượng và kim ngạch sẽ có thể giảm nhẹ.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang ASEAN tháng 8/2021

Sản phẩm	Tháng 8/ 2021 (USD)	Tăng /giảm so T7/2021	Tăng /giảm so T8/2020	Tỷ trọng
Cà phê	24.658.768	-3,51%	-9,42%	7,57%
Cao su	3.603.989	26,01%	47,41%	1,11%
Chè	778.423	-33,16%	26,99%	0,24%
Gạo	156.950.714	55,57%	15,42%	48,20%
Gỗ và SP gỗ	18.538.366	5,94%	18,52%	5,69%
Rau quả	18.024.500	-12,28%	-24,65%	5,54%
Thủy sản	43.167.918	0,00%	-9,41%	13,26%
Hạt điều	4.796.398	5,44%	-21,89%	1,47%
Hạt tiêu	4.129.609	9,83%	91,94%	1,27%
Phân bón các loại	20.345.028	-30,15%	9,41%	6,25%
SP từ cao su	4.357.940	-13,45%	21,10%	1,34%
Sắn và SP từ sắn	76.491	-28,80%	-93,13%	0,02%
Thực ăn gia súc và NL	24.237.789	-20,96%	2,65%	7,44%
Thịt và sản phẩm thịt	1.942.255	15,25%	647,02%	0,60%
Tổng XK NLTS	325.608.187	13,61%	5,39%	100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang ASEAN tháng 8/2021

TT	Loại sản phẩm	Tháng 8/2020		Tháng 8/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo trắng	195.061	91.688.796	202.814	96.298.105	4,0%	5,0%
2	Gạo thơm	61.892	30.959.547	101.008	51.646.436	63,2%	66,8%
3	Các loại gạo khác	25.476	13.332.781	20.134	9.006.173	-21,0%	-32,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang ASEAN tháng 8/2021

TT	Sản phẩm	Tháng 8/2020	Tháng 8/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T8.2021/T8.2020
	Tổng giá trị XK	23.920.978	18.024.500	-24,6%
1	Sầu riêng	6.271.860	7.184.180	14,5%
2	Khoai lang	2.364.456	1.973.524	-16,5%
3	Ớt	1.927.196	1.377.277	-28,5%
4	Dừa	5.785.702	998.439	-82,7%
5	Chuối	756.603	829.221	9,6%
6	Thanh long	1.059.750	773.759	-27,0%
7	Hạt macca	102.647	424.114	313,2%
8	Khác	5.652.765	4.463.986	-21,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu cà phê sang ASEAN tháng 8/2021

Mặt hàng	T8/2020 (USD)	T8/2021 (USD)	So sánh T8/2020 và T8/2021	Tỷ trọng T8/2021
Chưa rang chưa khử caffein	56.489	73.996	30,99%	87,47%
Chưa rang đã khử caffein	3.264	6.291	92,76%	7,44%
Đã rang chưa khử caffein	159	141	-11,55%	0,17%
Đã rang đã khử caffein	104	82	-20,93%	0,10%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	5.672	4.039	-28,79%	4,77%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	64	43	-32,69%	0,05%
Tổng	65.752	84.595	28,66%	100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 8/2021

Loại sản phẩm	Tháng 8/2021 (USD)	Tháng 8/2020 (USD)	So sánh 2021/20 (%)
Cá da trơn	6.386.484,08	10.138.935,27	-37,00%
Cá ngừ	2.761.449,50	2.233.910,12	23,60%
Cá rô phi	150.398,90	173.239,50	-13,20%
Cua, ghe	244.704,95	356.322,66	-31,30%
Mực và bạch tuộc	5.668.283,85	7.779.263,85	-27,10%
Tôm	2.685.141,99	3.293.661,42	-18,50%
Thủy sản khác	20.811.994,16	23.674.505,20	-12,10%
Tổng	38.708.457,42	47.649.838,03	-18,80%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi sang các nước ASEAN

TT	Sản phẩm	T8/2020 (USD)	T8/2021 (USD)	So sánh T8.2021/T8.2020
2	Trâu, bò sống	99.406,0	926.215,0	832%
3	Lợn sống		378.566,2	
5	Gia cầm sống	26.530,8	34.897,3	32%
6	Động vật sống khác	7.380,0	5.700,0	-23%
7	Thịt trâu, bò, tươi hoặc ướp lạnh.	290,5	659,0	127%
8	Thịt trâu, bò, đông lạnh.	45.182,6	43.698,1	-3%
9	Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh.	1.475,5	112.759,0	
10	Thịt cừu hoặc dê, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh.		375,0	
12	Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm	863,0	428.666,4	
13	Thịt khác	52.542,0	6.706,4	-87%
15	Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.)	26.329,3	4.012,2	-85%
	Tổng	259.999,8	1.942.254,6	647%

Nguồn: Tổng cục Hải quan